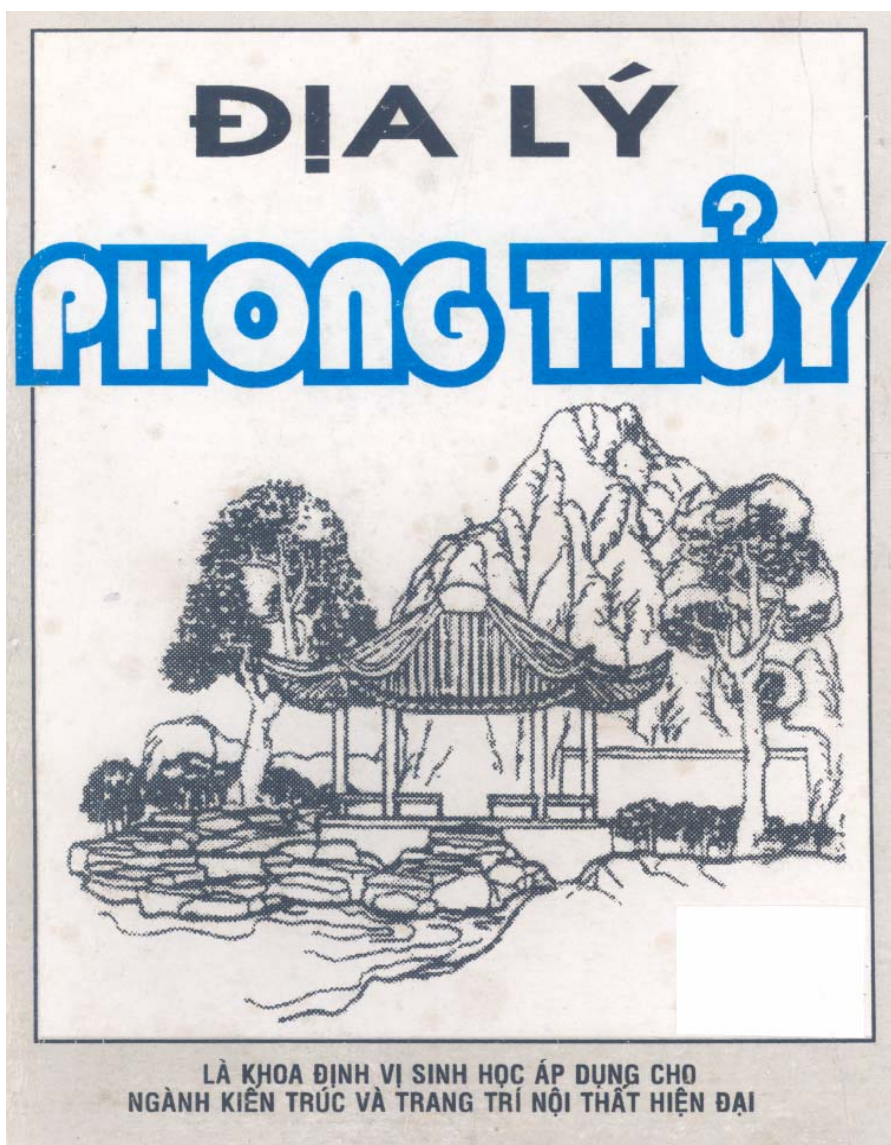


TRẦN VĂN HẢI
TỦ SÁCH SINH HỌC NĂM 1992

**TẬP 5. THỰC HÀNH THUẬT PHONG
THỦY. CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ
MẠNG CHẤN**



Chuyên đề mạng Chấn

TRẦN VĂN HẢI

NGUYÊN TRƯỞNG BAN SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN
KHOA ĐỊA LÝ PHONG THỦY VIỆT NAM QUỐC TỰ SÀI GÒN NĂM 1972

**THỰC HÀNH THUẬT
PHONG THỦY
CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ MẠNG
CHẤN**

Sách in từng tập bằng máy vi tính giá thành cao
nên không bán chỉ làm quà tặng cho các thân hữu

1992

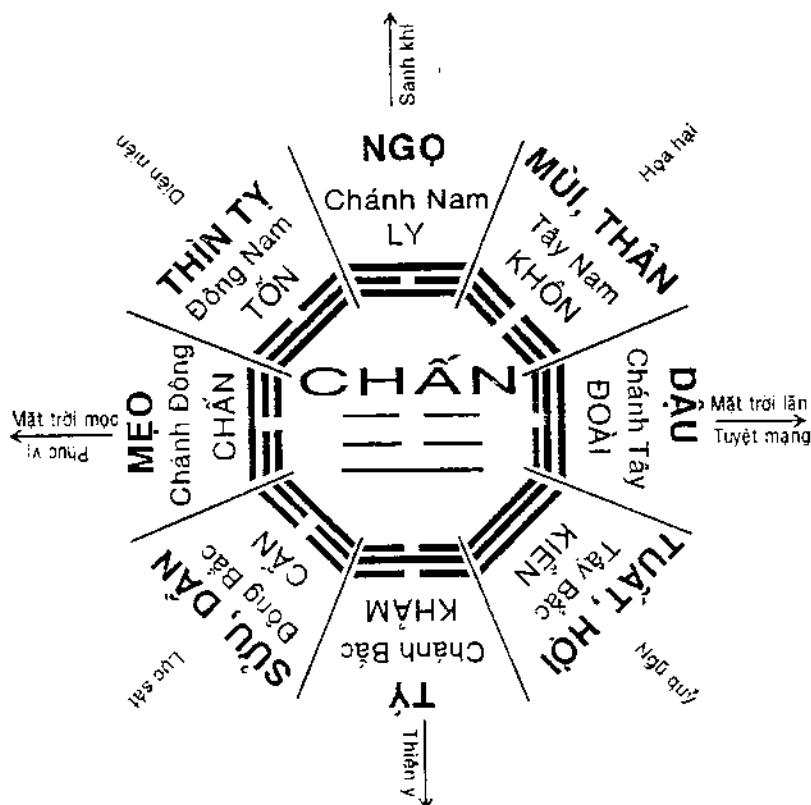
Chuyên đề mạng Chấn



CHẤN VI LÔI

SẤM

CHUYÊN ĐỀ LÝ GIẢI CÁC SINH HOẠT TẠI NỘI THẤT CỦA CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN



Chuyên đề mạng Chấn



Chú ý : Ở 1 - theo chiều mũi tên dành cho HƯỚNG ĐẶT BẾP.
 Còn HƯỚNG XÂY NHÀ thuộc chiều mũi tên của Ở 2.
 Ví dụ : Tuổi Hợi đặt bếp hướng Đông Tuổi Tý tuổi Sửu
 đặt hướng Đông Bắc. Xây nhà hướng Tây với tuổi Hợi.

BIỂU TƯỢNG VẠN VẬT SỞ THUỘC CUNG CHẤN

Những điều nói trong “Tượng Loại Vạn Vật” là tượng vật của quẻ thuần. Nhiều người thắc mắc hỏi: Khi quẻ thượng và quẻ hạ không giống nhau thì làm thế nào, làm sao (Gặp trường hợp này phải xem quẻ trên là quẻ gì, quẻ dưới là quẻ gì, đoán việc gì, sau đó xem mỗi quẻ chủ tượng gì như vậy là được. Ví dụ đoán về ăn uống được quẻ “tụng” (䷔), quẻ Kiến của quẻ thượng trong tượng vật của thức ăn là vật gì, quẻ Khảm của quẻ hạ trong tượng vật của thức ăn là vật gì, như thế là trong bàn ăn có những món gì sẽ rất rõ ràng. Đối với quẻ Hổ, quẻ biến cũng làm như vậy. Tượng quẻ khác cũng vậy. Trong việc nghiên cứu chuyên đề về tượng loại vạn vật, chúng ta cần lưu ý các điều sau đây:

- 1/ Giao thời giữa tháng 9 và tháng 10 mùa thu, chuyển từ tháng, năm : Tuất sang Hợi; giờ ngày tháng năm của ngũ kim nghĩa là tháng 9 là Tuất, tháng 10 là Hợi, quẻ Kiến chính ở ngôi này, cho nên thời gian ứng sự của quẻ này có thể đoán định vào các năm, tháng, ngày, giờ Tuất, Hợi. Giờ ngày tháng năm của ngũ kim là : “ngũ kim” là chỉ “kim” trong ngũ hành, tức thời gian ứng sự của quẻ Kiến, có thể đoán giờ ngày tháng năm kim : Canh. Tân. Thân. Dậu mà thành sự (các quẻ khác cách giải thích cũng như vậy).

Chuyên đề mạng Chấn

2/ Ngôi hàng 1,4,9: quẻ Kiền vượng tướng ở tháng một, tháng tư, tháng chín là kim, là chính ngôi của quẻ Kiền. Ngôi hàng 1,4,9 tức người đó là con đầu (một) hoặc thứ tư, hoặc thứ 9. Các quẻ khác cách nói cũng như thế.

3/ Số 1,4,9: có nghĩa là lệnh 9 của tháng giêng, tháng tư; hoặc số là 1, hoặc 4, hoặc 9 hoặc là 149 : cụ thể là bao nhiêu phải tùy sự việc mà đoán. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự.

4/ Tháng Thìn Tuất Sửu Mùi, giờ ngày tháng năm: Mùi, Thân : quẻ Khôn ngũ hành thuộc Thổ, gặp tháng Thổ: Thìn Tuất Sửu Mùi thì vượng. Thời gian ứng sự của nó có thể đoán vào tháng năm hoặc ngày giờ Thìn Tuất Sửu Mùi. Vị thân là phương vị của quẻ Khôn nên còn có thể đoán quẻ Khôn vào tháng năm hoặc ngày giờ mùi, Thân. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự. Dưới đây là các biểu tượng vạn vật thuộc cung Chấn sắp xếp theo mẫu tự.

ĂN UỐNG

(Ăn uống): vó chân; thịt, hương vị sơn lâm; thịt tươi; trái cây chua; rau; cá chép.

BÁT MÔN TIỂU ĐON

Bát Môn là tám cung, tám cửa: Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Kiền, Hưu, Sanh, Thương, Đồ, Kiển, Tử, Kinh, Khai. Đối với cung Chấn thuộc Thương Môn sở thuộc 9 ngày: Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Canh

Chuyên đề mang Chấn

Thân, Giáp Ngọ, Ất Mùi, Bính Thân những ngày này không nên ra đi (xấu).

BỆNH TẬT

(Bệnh tật): bệnh chân; bệnh gan; Kinh hoàng không yên.

BÓI KIỂU

Trong phạm vi Bói Kiểu quẻ Chấn ứng về Âm Tín, tin tức của một ai.

CẦU DANH

(Cầu Danh): được danh; hợp về nhậm chức ở phương đông; hợp về nhậm chức hô hào, ra lệnh; quan cai ngục; không nhậm chức thuế khóa, trà, gỗ, hoặc chức ở chợ ồn ào.

CẦU TÀI

(Cầu Tài): phát tài về gỗ tre rừng núi; tìm lợi chỗ động, hoặc gặp lợi về các mặt hàng trà, tre, gỗ, sơn lâm.

CHỮ SỐ

(Chữ số): Bốn tám ba.

CHỮ TÊN HỌ

(Chữ tên họ): có chữ mộc; ngôi hàng bốn, tám, ba.

ĐỊA LÝ

(Địa lý): phương đông; cây gỗ; chợ ồn ào; đường lớn; rừng tre; chỗ cỏ cây rậm rạp.

ĐỘNG VẬT

Chuyên để mang Chấn

(Động vật): rồng; rắn; trăm loại sáu; ngựa kêu.

GIAO DỊCH

(Giao dịch): lợi về giao dịch; mùa thu khó thành; động mới có thể thành; có lợi về những hàng trà, tre, gỗ, rừng núi.

HỘI KIẾN

(Hội kiến): có thể gặp; dễ gặp người rừng núi; dễ gặp người có thành danh.

HÔN NHÂN

(Hôn nhân): có thể, thành công, nhà có thanh danh; được kết hôn với trưởng nam; mùa thu không lợi.

KIỆN TỤNG

(Kiện tụng): thể mạnh; lo lắng vụ vợ; di động; lặp đi lặp lại.

MƯU SỰ

(Mưu sự): có thể vượng; có thể cầu; thích hợp với cầu trong sự hoạt động; mùa thu không thuận.

NGŨ SẮC

(Ngũ sắc): xanh đen; màu lục bích.

NGŨ VỊ

(Ngũ vị): ngọt, chua.

NHÀ CỬA

(Nhà cửa): ở phương đông; chỗ rừng rậm; lâu các.

NHÀ Ở

(Nhà ở): có lúc bất thần lo sợ vu vơ trong nhà; mùa xuân, mùa đông tốt; mùa thu không lợi.

NHÂN VẬT

(Nhân vật): trưởng nam

PHẦN MỘ

(Phần mộ): lợi về phương đông; huyết trong rừng sâu.

PHƯƠNG HƯỚNG

(Phương hướng): Đông

SINH ĐỂ

(Sinh đẻ): sợ vu vơ; thai động không yên; thai đầu tiên chắc chắn là trai; ngồi nên hướng đông; mùa thu không tốt.

TÍNH CÁCH

(Tính cách): khởi động, giận, hoảng sợ vu vơ, gào hét, động nhiều tính ít.

TÍNH VẬT

(Tính vật): gỗ tre; cây lau; nhạc khí (bằng tre, gỗ), vật hoa cỏ tươi tốt; hạt.

THÂN THỂ

(Thân thể): chân; gan; tóc; âm thanh.

THIÊN THỜI

(Thiên thời): sấm.

Chuyên đề mạng Chấn

THỜI GIAN

(Thời gian): tháng hai mùa xuân; giờ ngày tháng năm mẹo; ngày tháng tư, ba, tám.

XUẤT HÀNH

(Xuất hành): dễ xuất hành; lợi về phương đông; lợi người rừng núi; mùa thu không nên đi, nhưng lo sợ vu vơ.

VẬN MẠNG TRỌN ĐỜI CỦA CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN

Bát Quái của Kinh Chu Dịch nếu đem so sánh với Hành Tinh trong Thái Dương hệ ta sẽ thấy có sự tương đương về bản chất như:

- KIẾN tương đương với KIM TINH (ve'nus) thuộc hành KIM
- KHÂM tương đương với THỦY TINH (Mercure) thuộc hành THỦY
- CẤN tương đương với THỔ TINH (Saturne) thuộc hành THỔ
- CHẤN tương đương với MỘC TINH (Jupiter) thuộc hành MỘC
- TỐN tương đương với HẢI VƯƠNG TINH (Neptune) thuộc hành MỘC
- LY tương đương với HỎA TINH (Mars) thuộc hành HỎA
- KHÔN tương đương với DIÊM VƯƠNG TINH (Pluton) thuộc hành THỔ
- ĐOÀI tương đương với THIÊN VƯƠNG TINH (Uranus) thuộc hành KIM

Theo tài liệu của KYSERLING NE'CIPHORE và TÀO

Chuyên đề mạng Chấn

TUYẾT LONG (để biết)

Công danh Bản tánh và Nhân cách

Tình duyên Năng khiếu Tài Lộc

Thân thể Sự nghiệp Thọ yếu

Cuộc đời Giàu sang Nghèo hèn

Dưới đây chúng tôi sẽ giải thích rõ về đặc điểm và vận mạng của chủ nhà mạng CHẤN

CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN

Tương Đương với Mộc Tinh (Jupiter) thuộc hành Mộc

BẢN CHẤT

Con người đạt đến mức độ cao của cuộc sống, nhiều tình cảm và đầy đủ tài năng có thể trở thành một nhân vật tên tuổi, biết phục thiện, có óc sáng suốt, lấy tình cảm đối lấy danh vọng, yêu thương kẻ giúp đỡ mình trên bước công danh.

SỞ THÍCH

Là người ham học hỏi, biết phục thiện, dễ ham mến những cảnh vật xảy ra trước mắt nhiều tình cảm, thích sống chung với nhiều người hơn là độc thân, hay than vãn một mình, trước sự không hay của cuộc đời, thích những hoạt động thường xuyên nhưng không có lòng rộng rãi và ý nhứt định, nên thường bị kẻ khác lừa dối phỉnh gạt, ham mê bạc tiền, thích sống với những việc của mình làm ra hơn là có kẻ khác giúp đỡ hay tự đắc, dễ bị thất bại.

TÌNH DUYÊN

Thường đùa giỡn với tình yêu hơn là muốn xây dựng hạnh phúc, số có rất nhiều tình yêu, đa sầu, đa cảm, thường không xét đoán người đứng trước mặt mình, nhắm mắt thương cảm, thương đại rồi sau đó chán nản, làm cho con người mang nhiều tai tiếng không tốt. Coi tình yêu như trò đùa, không bao giờ nghĩ đến ảnh hưởng tai hại cho danh dự và cuộc sống của mình, không chủ động được lòng mình khi có một người đứng trước mặt. Nhiều tai tiếng về vấn đề này.

CÔNG DANH

Công danh thường lên rất may mắn vì tài xã giao rất giỏi thường thuộc về phạm vi văn nghệ hay những nghề có tính cách thủ công hơn là những vấn đề có liên quan đến xã hội hay có tánh cách rộng lớn. Kiển nhân thì mau lên cao tùy thuộc miệng lưỡi nhiều hơn là khả năng học thức.

SỰ NGHIỆP

Kết quả mỹ mãn về vấn đề này, trong tương lai còn có nhiều triển vọng tốt đẹp, nếu là còn nhỏ tuổi, nhưng nếu đứng tuổi thì cuộc sống đã hoàn thành sự nghiệp từ lâu rồi. Sự nghiệp lên rất mau như điều gặp gió, thành công về vấn đề này ngoài sức tưởng tượng của cá nhân mình thường làm chơi ăn thiệt, có cơ hội phát triển rất mạnh mẽ về vấn đề này và rất mau chóng thành công.

CUỘC ĐỜI

Cuộc đời lên xuống không ngừng, khi thì lên cao, khi thì xuống thấp, không có sự nhất định đặc biệt, không có chủ

Chuyện để mang Chấn

định và mục đích cho cuộc sống, thế nên thường hay lâm vào tình trạng túng quẫn thường-xuyên, lo cho người mà không lo cho mình.

THỌ YẾU

Số này chỉ thọ vào mức độ trung bình, cuộc sống ít hay đau bệnh. Nhưng thường hay có chứng bệnh nan y, hay trong thân thể. Số không có yếu tướng, nhưng cũng không thọ được lâu lắm, chỉ vào khoảng 45-50 mà thôi.

Ý THƠ BỔ SUNG

Cung Chấn, thuộc Mộc, Chánh Đông,

Người sanh cung ấy sáng không ai bì.

Cửa cái trời mọc là hay,

Làm nên sự nghiệp, an khương gia đình.

Số này cũng lắm gian truân.

Tha phương lắm nỗi, phong sương hải tần.

Cung mạng lỡ dở duyên đầu,

Duyên sau chấp nối thuận hòa yên vui.

Số gái cũng có thanh cao,

Có chồng quyền tước dự hàng công khanh.

Cửa, con có sẵn tuổi già,

Khi ra phong nhã, khi vào hào hoa,

Số thọ ghi bốn mươi lăm (45)

Chuyên đề mang Chấn

Tu nhưn tích đức sống ngoài sáu mươi (60)

Cháu con đưa đám đủ đông,

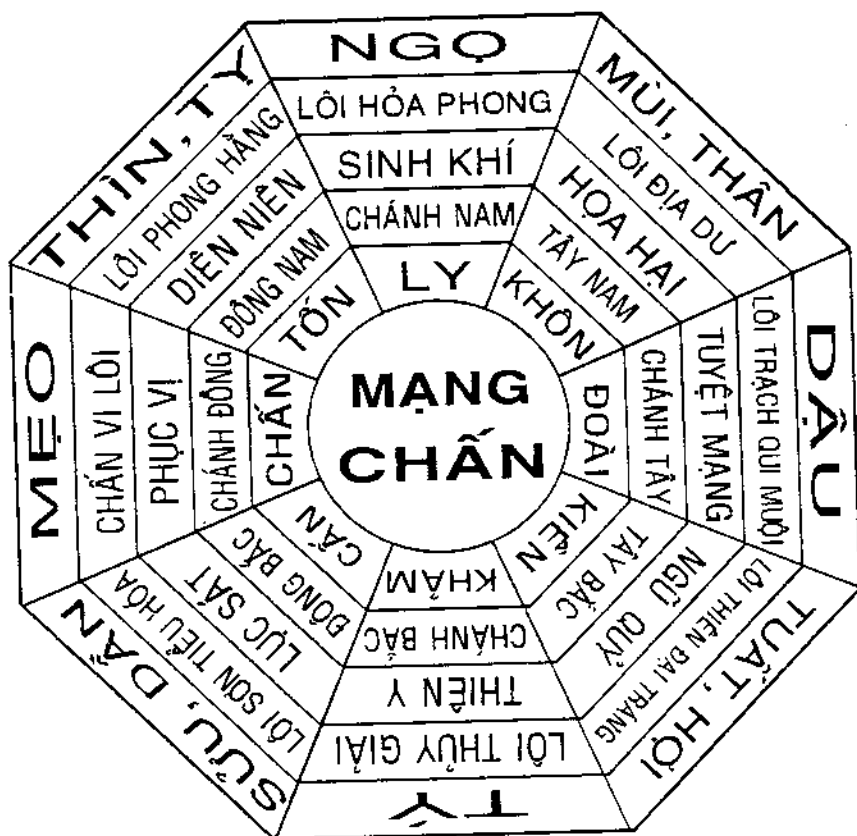
Hòa thượng dẫn lộ để phương độ hồn.

Cung Chấn thuộc Mộc số này,

Mộc thì khắc Thổ, chết vào tháng năm.

Tuổi Mẹo làm nhà trở cửa cái về hướng Chánh Đông, hay là hướng Đông Nam cũng được khá.

BÁT QUÁI ĐỒ CỦA CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN



PHƯƠNG HƯỚNG XÂY NHÀ CỦA NGƯỜI MẠNG CHẤN

CHỦ MẠNG CHẤN CHỌN HƯỚNG CHẤN (Chánh Đông) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Phục Vị là quẻ Chấn Vi Lôi trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà được tăng tuổi thọ, phú quý vinh hiển, thứ cát.

CHỦ MẠNG CHẤN CHỌN HƯỚNG TỐN (ĐÔNG NAM) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ.

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Diên Niên là quẻ Lôi Phong Hằng trong kinh Chu Dịch. Theo lý thuyết hướng nhà này là thứ cát nhưng thực tế kỵ không nên sử dụng vì Diên Niên thuộc sao Vũ Khúc, Dương kim, còn cung Tốn thuộc Âm Mộc, có hại cho con gái lớn.

Chuyên đề mạng Chấn

**CHỦ MẠNG CHẤN
CHỌN HƯỚNG LY (Chánh Nam)
ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ.**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Sinh Khí là quẻ Lôi Hỏa Phong trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà có phước lớn, có nhiều tiền tài và lợi lộc, Thượng Cát.

**CHỦ MẠNG CHẤN
CHỌN HƯỚNG KHÔN (Tây Nam)
ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Họa Hại là quẻ Lôi Địa Dự trong kinh Chu Dịch. Gia đình chủ nhà suy vi, bị thua kiện, Thị Phi, Thứ hung.

**CHỦ MẠNG CHẤN
CHỌN HƯỚNG ĐOÀI (Chánh Tây)
ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Tuyệt Mạng là quẻ Lôi Trạch Qui Muội trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà bị mưu hại, tổn thọ, bệnh tật, tiền bạc hao hụt, đại hung.

**CHỦ MẠNG CHẤN
CHỌN HƯỚNG KIẾN (Tây Bắc)
ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Ngũ Quỷ là quẻ Lôi Thiên Đại Tráng trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà bị hỏa tai, bệnh tật, hao của, đại hung.

**CHỦ MẠNG CHẤN
CHỌN HƯỚNG KHẨM (Chánh Bắc)
ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Thiên Y là quẻ Lôi Thủy Giải trong kinh Chu Dịch. Theo lý thuyết hướng nhà này là Đại Cát nhưng thực tế kỵ không nên sử dụng vì Thiên y thuộc sao cự môn, Dương Thổ cung Khảm thuộc Dương Thủy, Thổ khắc Thủy, sẽ có hại cho con trai thứ.

**CHỦ MẠNG CHẤN
HƯỚNG CẤN (Đông Bắc)
ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Lục Sát là quẻ Lôi Sơn Tiểu Quá trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà bị vạ miệng, tán tài, thất bại về việc trồng trọt và chăn nuôi gia súc, thương nhân khẩu, Đại hung.

LƯU Ý:

Nếu khinh xuất mà xây cất nhà cửa, cánh hướng về các hướng đại kỵ, thứ kỵ đã kể trên, hoặc nghe biết mà không chịu sửa chữa bằng cách dời đổi hay xoay lại bếp lò, nhà tiêu để trấn áp hung thần, giải trừ tai họa thì khó tránh khỏi những tai biến xảy ra trong một thời gian sớm muộn.

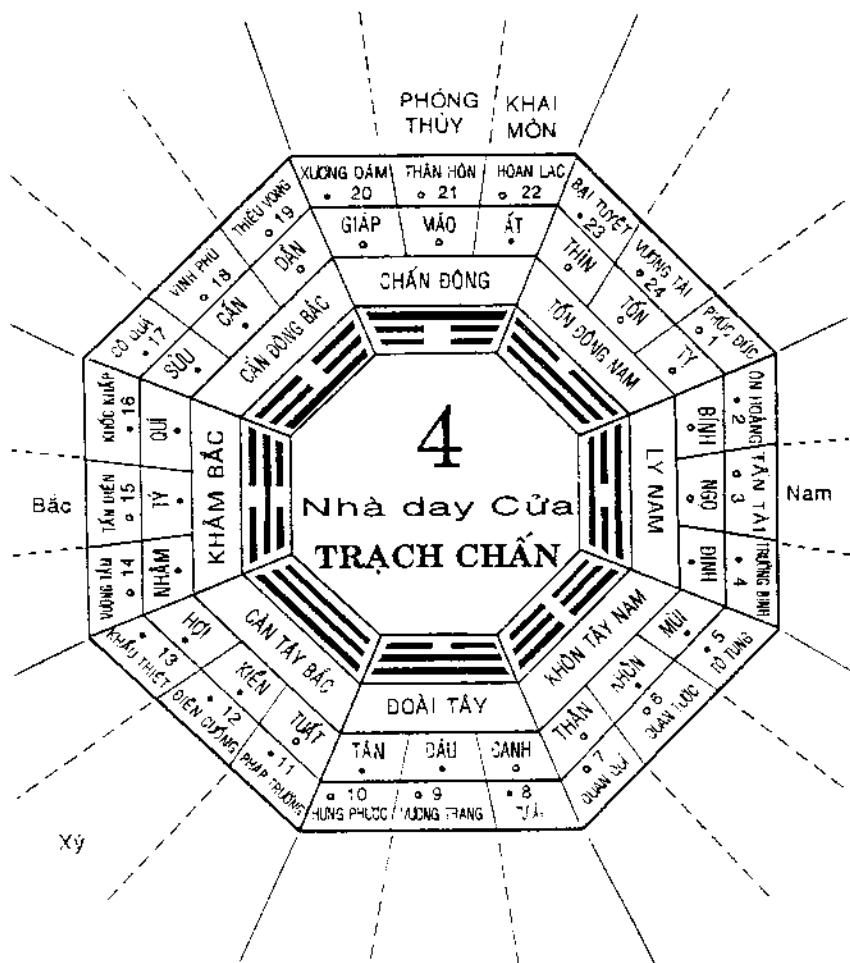
CHỌN PHƯƠNG HƯỚNG TRỞ CỦA CỦA CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN

Mẹo-Sơn, DậuGiáp-Sơn, Canh Ất-Sơn, Tân
Trạch này lợi ở Hợi, Dần, Mẹo năm, tháng hợp vào mộ-vị ở
Mùi, tương ứng vào con trai trưởng. Bốn trạch tọa cung là
Phục-Vị thì cát, phối Tốn là Diên Niên, Ly là sinh-khí, Khảm
là Thiên Y đến nên khai-môn, tác-Táo hướng, Nếu ở Kiến là
Ngũ quý, ở Khôn Họa-Hại, Cấn Lục-Sát, Đoài Thìn Tuyệt-
mạng đều là bất cát (không tốt) Như hợp với Tử, Bạch, thì
Chấn là Tam-Bích Mộc Tinh, phối hợp được Nhất-Bạch tinh
đáo Bốn cung, là tọa Sinh-khí, Nhị hắc ở Tốn, Bát bạch đáo
Khảm, Thất-xích đáo Ly, tuy là khí có tính chưa thuần, đều
có thể khai môn được. Tứ-Lục đáo Kiến thúc là vượng-khí, có
thể đào giếng, làm bếp ở phương đó được. Nếu Ngũ-hoàng
ở Đoài, thì đại bất lợi! Xét trong Bát-Trạch đều là hung, đến
cả hậu môn cũng không nên khai ở chỗ đó tuy là Phục-Vị
Trung-cung ai tản hữu trụ, có thể khai môn-Lộ đi ra ở phía
sau là tiện-môn, cũng phải xét có là cát phương mới mở được!
Chấn-Trạch, Tốn-Trạch đều không nên khai môn ở thẳng
chính giữa khoảng nhà đó là Ngũ-Hoàng tại Ly thuộc Vũ-
Khúc Diên-Niên, Địa-Lý Thiên-Văn cho là bất lợi, đó là Trục-
xung ! trừ Nha-Môn Hỷ-Môn, Chính-Môn, ngoài ra hết thấy
mọi nhà Bá-tánh, không thấy nhà Định-hướng nào mở chính-

Chuyên đề mang Chấn

môn ở Ngọ-Vị, vì sơ lộc, Phá cả Đại-môn và Nhị-Môn, khai thắng ở phương. Bình là được thuận cát. Tý-Sơn, Ngọ-Hướng cũng là nhị-Môn Trục-Khai, Đại-Môn ở Bình lại càng là cát tướng, đều mừng ở vị-Xá-Văn-Tinh. Nếu nhâm-Sơn, Bính-hướng, có nhiều tá thủy, đáo hữu mới hợp thủy pháp. Đại Môn mở ở phương Tốn thu cát-khí của phương Tốn là ngôi Lâm quan của Hóa-Cục, đều có Tham-Lang Tinh đắc vị rất là cát lợi, không được câu nệ một cái sách của Nguyên-Chính mà nói là không nên khai Tốn-môn, Bính-Hướng 2 của mở đối nhau là cát lợi. Cửa lớn, cửa nhỏ, không nên mở ở Phương-Ty, nếu mở thì phá lộc của Bính-Hướng.

Nên biết là: Đinh, Ngọ hướng, mà đại-Môn mở cửa ở Bính là đệ nhất hạng! Nếu Bính hướng Đại-Môn mở ở Tốn là đệ nhất hạng! Nếu Bính chỉ có 1 cửa mà tiến thì lấy đối với chính hướng là cát lợi! Nếu Ngọ-Hướng mở cửa ở Ất, Mẹo là Đông-Phương Thiên-môn lộ, cũng cát tướng, Nếu định hướng, Bính môn, ngoài lại mở cửa ở phương Khôn để đón nước lại cũng cát lợi! Cùng một thứ trạch mà cách dụng có phân biệt, là do ở người nhân Địa-hình phương tiện mà định.

[illegible]

CỬA CÁI VÀ CHỖ ĐẶT BẾP LÒ _____ QUAN HỆ VỚI **CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN**

- Một ngôi nhà có 7 chỗ quan hệ tức là có ảnh hưởng tốt xấu: Cửa ngõ, cửa cái, cửa phòng, cửa bếp, chủ nhà hay sơn chủ, bếp và hướng bếp.

- Trong 7 chỗ quan hệ có 3 chỗ chính yếu ảnh hưởng trọng đại để quyết định ngôi nhà tốt hay xấu. Còn 4 chỗ kia thuộc hàng thứ yếu (phụ thuộc), ảnh hưởng bình thường chỉ có thể bớt tốt xấu mà thôi.

- Cửa cái là một nơi chính yếu, vì nó là lối đi vào nhà, nếu mở trúng tại cung tốt tức như người đi trúng vào chón may mắn, bằng mở tại cung xấu tức như người đi vào chón nguy hiểm, tối tăm, chông gai. Cửa cái là mẹ sanh ra các Du Niên cho chủ nhà, cho sơn chủ và chủ bếp. Vì vậy nên hể chủ nhà, sơn chủ và bếp thừa Du Niên tốt tức cửa cái tốt, vì mẹ tốt mới sanh ra các con tốt bằng thừa Du Niên xấu tức cửa cái xấu, vì mẹ xấu mới sanh con xấu.

- Chủ nhà hay sơn chủ đều là nơi chính yếu, trụ cột, chủ yếu, làm chủ toàn thể ngôi nhà cho nên gọi là chủ nhà, là sơn chủ. Nếu nó được ở nhằm cung tốt và thừa Du Niên tốt hay sao tốt là nhà ở thịnh vượng và yên lành. Bằng ở nhằm cung xấu và thừa Du Niên xấu hay sao xấu là nhà ở suy vi, chẳng yên.

Chuyên đề mạng Chấn

- Bếp là chỗ chính yếu vì nơi sinh dưỡng, nuôi sống con người, nếu được an trí nơi cung tốt và thừa Du Niên tốt thì sự sinh dưỡng mới đắc lợi ích, ít bệnh hoạn. Bằng an trí tại cung xấu và thừa Du Niên xấu khác nào sự sinh dưỡng bị đầu độc gây ra đủ các bệnh chứng cả tai họa. Trăm bệnh đa số do nơi ăn uống sinh ra.

Tóm lại:

Ba chỗ chính yếu được đặt vào 3 cung tốt là đối với nhau được tương sanh hay tỷ hòa và 3 cung đều thừa cát Du Niên hay cát tinh thì quyết định một ngôi nhà thịnh vượng. Bằng trái lại đặt trúng vào 3 cung xấu là đối với nhau tương khắc và đồng thừa hung Du Niên hay hung tinh thì quyết định ngôi nhà suy bại.

Sự sai biệt trong 4 chỗ thứ yếu:

- Trong 4 chỗ thứ yếu thì hướng bếp có tầm quan trọng hơn cả, kế đó là cửa phòng và cửa bếp, sau hết là cửa ngõ. Người xưa không kể tới cửa ngõ, có lẽ vì nó không thuộc về ngôi nhà. Phần này được nói gọn lại là cửa cái, chủ nhà và nhà bếp. Cửa là chỉ nói cửa cái chứ không phải là cửa phòng hay cửa bếp. Chủ là nói chủ nhà ở tịnh trạch, là nói sơn chủ ở Đông Trạch và Biển hóa trạch. Bếp là nói tại chỗ đặt lò hay cà ràng nấu ăn chứ chẳng luận tới hướng mở cửa của cái bếp.

1- CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG CHẤN (CHÁNH ĐÔNG) PHỤC VÌ

(Cửa cái tại Chấn (Chánh Đông) chủ nhà hay sơn chủ cũng tại Chấn)

Chuyên đề mạng Chấn

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thê tứ tượng khắc, Chấn mộc trùng.

Ý nghĩa:

Vợ con khắc nhau, Chấn mộc trùng nhau. Chấn thuộc mộc, nay Chấn gặp Chấn nên nói là Chấn mộc trùng.

- Từ cửa Chấn (Chánh Đông) biến 8 lần tới chủ Chấn được Phục Vị cho nên gọi là Phục Vị Trạch. Phục Vị mộc lâm Chấn cũng mộc là đẳng diện, đem vượng khí về Đông tứ Trạch cho nên sơ niên phát tài giàu có và sang trọng. Nhưng vì hai Chấn thuần dương tất âm phái suy, phụ nữ đoán thọ, số nhân khẩu chẳng thêm, ở lâu năm quá sẽ sanh ra các vụ góa bụa và nuôi con kế khác làm kế thừa tự.

Cửa Chấn (Chánh Đông) và chủ Chấn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): dương kim là Tây trù, đối với hai Chấn (cửa và chủ) đều tương khắc và phạm hai Ngũ Quý đại đại hung, mọi sự đều bất lợi, người chết mất, nhà cửa bại tan.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): dương thủy là Đông trù, đối với hai Chấn đều được tương sanh và Khảm sinh được 2 Thiên Y, đó là hướng bếp tốt. Nhưng Khảm Chấn Chấn thuần dương, tuy sơ niên phát đạt nhưng ở lâu về sau hiểm con thừa tự, ở góa, bất lợi.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): dương thổ là Tây trù, đối với 2 Chấn đều bị tương khắc và biến sinh 2 Lục Sát, là hướng bếp cùng khổ, thất bại tiền của, hết bại tuyệt điều này lại bại tuyệt điều khác, hàng tiểu nhi bị bệnh bao tử,

Chuyên đề mạng Chấn

bệnh da vàng và phù thũng.

- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): dương mộc là Đông trù, đối với cửa Chấn (Chánh Đông) và chủ Chấn đều được tỷ hòa, biến sinh toàn là Phục Vị, hữu khí, sơ niên tuy có lợi, nhưng vì 3 Chấn là tượng ba người nam ở chung (thuần dương) về sau khắc hại vợ và hiềm con thừa tự.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): âm mộc là Đông trù, đối với cửa Chấn (Chánh Đông) được cách Lưỡng mộc thành lâm, đối với chủ Chấn cũng được cách Lưỡng mộc thành lâm, biến sinh được hai Diên Niên, đại cát, đại lợi, phúc lộc thọ gồm đủ.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): âm hỏa đối với cửa Chấn (Chánh Đông) và chủ Chấn được hai cách Mộc hỏa thông minh và biến sinh được hai khí, trăm việc đều được thuận lợi. Bếp Ly (Chánh Nam) thuộc Đông trù rất hợp gặp loại mộc: Chấn, sinh khí.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): âm thổ là Tây trù, bị hai Chấn khắc và biến sinh 2 Hỏa Hại, khiến bất lợi cho lão mẫu, bệnh da vàng, bệnh sưng, tỷ vị chẳng tốt.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): âm kim là Tây trù, khắc cả cửa chủ, biến sinh 2 Tuyệt Mạng rất hung hại, khiến cho số người chẳng thêm, nam nữ đoán thọ, gân cốt đau nhức bất lợi.

Kết luận:

Tám hướng bếp trên đây đều thuộc về chủ nhà mạng

Chuyên đề mạng Chấn

Chấn, Phục Vị Trạch. Nhà có cửa Chấn (Chánh Đông) và chủ Chấn thuộc Đông tứ Trạch, vậy nên các Đông trù đều có lợi cho nhà, có các Tây trù đều bất lợi.

2- CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG TỐN (ĐÔNG NAM) DIỄN NIÊN

(Cửa cái tại Tốn (Đông Nam), chủ nhà hay sơn chủ tại Chấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Phong lôi công danh như hóa thời.

Ý nghĩa:

Gió sấm, công danh như lúa thổi bùng. Phong là gió chỉ vào Tốn, Lôi là sấm chỉ vào Chấn. Công danh là khoa cử, quan tước. Công danh phát lên mau lắm cho nên nói là như lúa thổi cháy bùng lên.

- Theo phép Bát biến thì từ cửa Tốn (Đông Nam) biến 3 lần tới chủ Chấn được Diễn Niên cho nên gọi là Diễn Niên Trạch. Chấn với Tốn là 2 Mộc có đủ âm dương rất thịnh tốt, nay gặp Diễn Niên kim khắc (đẽo, chuốt), cửa bào...) tạo tác thành lương đồng (ruộng cật), công danh phát lên đệ nhứt mau. Trước bản cùng nh cây còn vỏ xem rất tầm thường, nhưng sau trở nên giàu có to như cây đã chuốt thành vật quý giá. (Cửa Chấn với chủ Tốn) có tên là: một tiếng sấm nổ trên đất bằng, khi ra đi là hạng tú tài, lúc về là bậc Trạng nguyên, bậc lương đồng của nước nhà.

Cửa Tốn (Đông Nam) với chủ Chấn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): dương kim là Tây trù, đối với cửa chủ là Tốn Chấn đều hình khắc và biến sinh Hạo

Chuyên đề mạng Chấn

Hại cùng Ngũ Quý đại hung, tổn nam hại nữ, gia bại nhơn vong (nhà bại, người mất).

- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): dương thủy là Đông trù, đối với cửa Tốn (Đông Nam) là sinh khí đắc vị, phước lộc đầy đủ, khoa cử đậu liền liền, là hướng bếp đại cát, đại lợi. Lại Khảm với Chấn hổ biến Thiên Y là phước thần thêm tốt, thành nhà ba tốt.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): dương thổ là Tây trù, đối với cửa Tốn (Đông Nam) chủ Chấn đều tương khắc, tiểu nhi mang bệnh tỳ vị rất khó nuôi dưỡng, không con cái thừa tự.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): dương mộc là Đông trù, đối với cửa Tốn (Đông Nam) và chủ Chấn đều được tỳ hòa, đại lợi, biến sinh Diên Niên và Phục Vị..
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): âm mộc là Đông trù, đối với cửa Tốn (Đông Nam) và chủ Chấn đều được tỳ hòa, là hướng bếp sanh ngàn cụm cây lành, gia đạo hưng long, biến sinh Phục Vị và Diên Niên.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): âm hỏa là Đông trù, đối với cửa Tốn (Đông Nam) chủ Chấn đều được tương sanh và biến sinh Thiên Y cùng sinh khí thành nhà ba tốt, là hướng bếp đại lợi, công danh hiển đạt, nhân tình càng nhiều, vợ chồng thương kính, sinh phát gái tài năng.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): âm thổ là Tây trù, đồng bị cửa Tốn (Đông Nam) và chủ Chấn khắc, và là bếp Ngũ Quý, mẹ già đoán thọ, không con thừa tự, gia đạo bất hòa, khổ vì các chứng bệnh vàng da, phù thũng, bệnh

Chuyên đề mạng Chấn

lao.

- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): âm kim là Tây trù, khắc cả cửa Tốn (Đông Nam) và chủ Chấn, biến sinh Lục Sát cùng Tuyệt Mạng, khiến cho nam nữ đoán thọ, gân xương đau nhức, hao tán tiền của.

Kết luận:

Tám hướng bếp trên đây thuộc chủ nhà mạng Chấn, Diên Niên Trạch. Cửa Tốn (Đông Nam) với chủ Chấn thuộc Đông tứ Trạch cho nên Đông trù là những bếp tốt, còn Tây trù là những bếp hung hại.

3- CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG LY (CHÁNH NAM) SANH KHÍ

(Cửa cái tại Ly (Chánh Nam), chủ nhà hay sơn chủ tại Chấn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hóa lời phát phúc, phụ nữ lương.

Ý nghĩa:

Hóa là lửa chỉ vào Ly, Lôi là sấm chỉ vào Chấn. Nhà có cửa tại Ly và chủ tại Chấn là ngôi nhà phát lên phúc đức và phụ nữ hiền lương.

- Từ cửa Ly (Chánh Nam) biến 1 lần tới chủ Chấn được Sinh Khí cho nên gọi là Sinh Khí trạch. Ly hóa với Chấn mộc gặp nhau gọi là Mộc hỏa thông minh, là cách rất tốt. Sinh Khí thuộc mộc rất hợp với Đông tứ Trạch, lại lâm Chấn là Sinh Khí đăng diện đại thịnh, đại vượng. Đây là một kiểu nhà đại phú, đại quý, công danh rạng rỡ, một bước thông bốn mặt, trai thông minh,

Chuyên đề mạng Chấn

gái tuần tù, khoa cử đại thuận lợi. Nhà này có tên là Đất bằng nổi lên một tiếng sấm (Bình địa nhứt thanh lôi), lúc ra đi là hạng tú tài khi về làng là bậc trạng nguyên, một thời sinh cùng khổ bỗng nhiên phát đạt giàu sang. Ở ngôi nhà này tới 3 năm tốt lớn, tới 8 năm còn tốt hơn, rồi cứ như vậy mà thịnh vượng lên. Đặt bếp tại Tồn thêm nhiều phúc đức, tại Khảm Chấn Ly cũng hay. Ngoài ra đặt bếp ở các cung khác bị bớt nhiều điều tốt.

Cửa Ly (Chánh Nam) với chủ Chấn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Bếp Kiền (Tây Bắc) kim đối với cửa Ly (Chánh Nam) và chủ Chấn đều bị tương khắc, biến sinh Tuyệt Mạng và Ngũ Quý. Thật là một cái bếp hung hại vô cùng và đến cấp kỳ, mọi sự đều bất lợi, trăm bệnh gom về. Chớ nên dùng nó.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Bếp Khảm (Chánh Bắc) thủy đối với cửa Ly (Chánh Nam) và chủ Chấn biến sinh được Diên Niên và Thiên Y hiệp với Sinh Khí trạch thành nhà ba tốt, đại cát, đại lợi.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc) thổ đối với cửa Ly (Chánh Nam) là bếp Họa Hại, đối với chủ Chấn là Lục Sát, khiến cho phụ nữ bất lợi, tiểu nhi khó nuôi, vợ đoạt quyền chồng, phụ nữ điều ác, bệnh da vàng và bệnh phong.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Bếp Chấn (Chánh Đông) mộc đối với cửa Ly (Chánh Nam) tương sanh và là bếp sinh khí đăng diện, đối với chủ Chấn tý hòa và là Phục Vị hữu khí. Nhà Sinh Khí bếp Sinh Khí, hổ biến được Phục Vị, toàn là lộc tinh đối với 3 cung Ly Chấn Chấn

Chuyên đề mạng Chấn

đều được tương sanh và tỷ hòa, tất cả toàn là Mộc hóa đồng hợp với Đông tứ Trạch. Vậy bếp Chấn (Chánh Đông) cũng đại cát, đại lợi.

- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Bếp Tốn (Đông Nam) thuộc mộc đối với cửa Ly (Chánh Nam) tương sanh và là bếp Thiên Y, đối với chủ Chấn tỷ hòa âm dương và hổ biến được Diên Niên hữu khí, hiệp cùng Sinh Khí trạch thành nhà ba tốt, sanh xuất hạng bậc hiền lương thông minh, tuần tú, phụ nữ hay làm việc lành, sanh 4 con hoặc 5 con. Thật là một cái bếp phú quý, vinh hoa, xương thịnh, đệ nhứt tốt.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Bếp Ly (Chánh Nam) hỏa đối với cửa Ly (Chánh Nam) tỷ hòa và là bếp Phục Vị đắc vị, đối với chủ Chấn tương sanh và hổ biến sinh khí hữu khí. Bếp này tương tự như bếp Chấn (Chánh Đông) 3 cung và 3 tinh đều được tỷ hòa, tương sanh, toàn là mộc với hỏa raát hợp với Đông tứ Trạch, đại cát.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) thổ đối với cửa Ly (Chánh Nam) tiết khí và là bếp Lục Sát, đối với chủ Chấn tương khắc và hổ biến ra Hỏa Hại, phụ nữ đoán thọ, bệnh da vàng, bệnh phù thũng, các chứng tỳ vị.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Bếp Đoài (Chánh Tây) kim đối với cửa Ly (Chánh Nam) chủ Chấn đều bị tương khắc và biến sinh Ngũ Quỷ cùng Tuyệt Mạng, nguy hại

Chuyên đề mạng Chấn

còn hơn bếp Kiền (Tây Bắc) nam nữ chết yếu, quan tụng rồi ren, trộm cướp nhiều nương, khẩu thiệt thị phi, phụ nữ làm loạn, chết cách hung dữ.

Kết luận:

Nhà có cửa Ly (Chánh Nam) với chủ Chấn thuộc Đông tứ Trạch, vậy nên các bếp Khâm Ly Chấn Tốn đều là cát tảo, các bếp Kiền Khôn Cấn Đoài toàn hung tảo.

4- CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KHÔN (TÂY NAM) HỌA HẠI

(Cửa cái tại Khôn (Tây Nam), chủ nhà hay sơn chủ tại Chấn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Nhân lâm long vị, mẫu sản vong.

Ý nghĩa:

Nhân là người ám chỉ vào Khôn (vì Khôn là mẹ mà con người ai ai cũng từ bụng mẹ sanh ra). Long vị là ngôi rồng ám chỉ vào Chấn (bởi Long vị Đức Thanh long dương mộc mà Chấn cũng thuộc dương mộc). Nhân lâm long vị, người tới ngôi rồng, là nói cửa Khôn (Tây Nam) với chủ Chấn vậy. Mẫu sản vong là mẹ chết vì sanh đẻ.

- Từ cửa Khôn (Tây Nam) biến 5 lần tới Chấn sanh Hỏa Hại cho nên gọi chủ Chấn là Hỏa Hại trạch. Ở nhà này có người mẹ vì sanh con mà chết, bởi Chấn mộc là con trai khảm Khôn thổ là người mẹ (nói theo lời tượng ứng trên). Lại luận: Chấn Khôn tương khắc là mẹ con bất hòa, trước tốn hao tiền của, sau bại hại nhân đình. Phàm ở nhà này mà giàu có thì soá người thừa thớt, bằng nhà có đông người thì phải nghèo nàn. Đó là tiền tài với nhân khẩu không được lưỡng toàn. Cung thọ khắc là Khôn

Chuyên đề mạng Chấn

thuộc thổ nên ứng sanh các bệnh về tỷ vị (tỷ vị thuộc thổ), bệnh huỳnh đản và phù thũng.

Cửa Khôn (Tây Nam) với chủ Chấn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Kiền (Tây Bắc) tương sanh và là bếp Diên Niên đẳng diện rất tốt. Nhưng bếp Kiền (Tây Bắc) đối với chủ Chấn tương khắc và hồ biến ra Ngũ Quý rất hung. Vậy bếp này nửa tốt nửa xấu.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Khảm (Chánh Bắc) tương khắc và là bếp Tuyệt Mạng, hạng trung nam không khỏi đoán thọ, sanh các chứng bệnh tích khối (kết hòn nổi cục). Cũng có chỗ tốt là bếp Khảm (Chánh Bắc) đối với chủ Chấn tương sanh và hồ biến được Thiên Y, nhưng Thiên Y vô khí không sang bằng nổi với Họa Hại là chánh hung Du Niên tại chủ Chấn.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Cấn (Đông Bắc) tỷ hòa và bếp sinh khí mộc lâm thổ thất vị, tốt vừa vừa. Nhưng vì bếp Cấn (Đông Bắc) đối với chủ Chấn tương khắc và hồ biến sanh ra Lục Sát ắt sanh điều hung: nam nữ bất lợi, tiểu nhi khó dưỡng nuôi.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Chấn (Chánh Đông) tương khắc và là bếp Họa Hại. Bếp Họa Hại ở trong nhà Họa Hại là cái bếp chẳng hay. Tuy bếp Chấn (Chánh Đông) với chủ Chấn tỷ hòa nhưng tác Phục Vị và là cái tốt chẳng đủ bù cái xấu.

Chuyên đề mạng Chấn

- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Tốn (Đông Nam) khắc cửa và phạm Ngũ Quỷ là cái bếp đại hung. Tuy bếp Tốn (Đông Nam) đối với chủ Chấn tý hòa và hồ biến được Sinh Khí hữu khí rất tốt, nhưng cũng không đủ chống với cái hung Ngũ Quỷ.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Cửa Khôn (Tây Nam) thì bếp Ly (Chánh Nam) tương sinh nhưng là bếp Lục Sát là chỗ hung vừa vừa. Bếp Ly (Chánh Nam) đối với chủ Chấn tương sinh và hồ biến được Sinh Khí mộc hữu khí là chỗ tốt nhiều. Và lại còn nhà có bếp Ly (Chánh Nam) mà được tam yếu đệ sinh cách chủ Chấn sinh bếp Ly (Chánh Nam) rồi bếp Ly (Chánh Nam) sinh cửa Khôn (Tây Nam) . Kết luận: Bếp Ly (Chánh Nam) lợi nhiều hơn hại.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) đối với cửa Khôn (Tây Nam) tý hòa tác Phục Vị, đối với chủ Chấn tương khắc biến ra Họa Hại. So lại thì tý hòa san bằng với tương khắc, nhưng Phục Vị tốt qua loa không đủ san bằng với Họa Hại xấu nhiều. Vậy bếp Khôn (Tây Nam) hại nhiều hơn lợi.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Đoài (Chánh Tây) tương sinh song bị thuận âm và là bếp Thiên Y đặc vị khá tốt. Nhưng bếp Đoài (Chánh Tây) đối với chủ Chấn xung khắc và biến sinh ra Tuyệt Mạng không khỏi cái hại nam nữ đoán thọ.

Kết luận:

Tám hướng bếp trên đây đều thuộc về chủ nhà mạng

Chuyên đề mạng Chấn

Chấn, là Họa Hại trạch cũng là hung trạch thì bếp nào cũng biến sanh một hung Du Niên và một cát Du Niên, sự lợi hại hơn kém chẳng bao nhiêu, và vậy sự lợi hại cho nhà cũng như vậy.

5- CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG ĐOÀI (CHÁNH TÂY) TUYỆT MẠNG

(Cửa cái tại Đoài (Chánh Tây), chủ nhà hay sơn chủ tại Chấn.)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hổ nhập long oa: Lao cổ phế. Ý nghĩa: Cọc vào hang rồng: bệnh lao, bệnh cổ, phế tật. Hổ là Bạch hổ, ám chỉ vào Đoài. Long oa là hang rồng, ám chỉ vào Chấn. Lao là bệnh lao, mới mẻ. Cổ là bệnh tâm thần mê man. Phế là bị phế tật, không còn làm được việc gì.

- Từ cửa Đoài (Chánh Tây) biến 7 lần tới chủ Khảm ra Tuyệt Mạng cho nên gọi là Tuyệt Mạng trạch, là ngôi nhà góa bụa, tuyệt tự trưởng nam và trưởng nữ chẳng sống lâu, bại chồng, khắc con, gia đạo bất hòa, diên sản toái bại, thường sanh các bệnh đau nhức tim, bụng, lưng, móng... Cửa tại Đoài thuộc phương Chánh Tây. Đúng là một ngôi nhà Đông Tây hỗn loạn (loại hung trạch).

Cửa Đoài (Chánh Tây) với chủ Chấn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Bếp Kiền (Tây Bắc) kim đới với cửa Đoài (Chánh Tây), tỷ hòa và là bếp sinh khí thất vị, tốt vừa vừa. Nhưng Kiền đới với chủ Chấn tương khắc và hổ biến rất tai hại.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Bếp Khảm (Chánh Bắc) thủy đới với cửa Đoài (Chánh Tây) bị tiết khí và là bếp

Chuyên đề mạng Chấn

Họa Hại, hại nam nhân, tổn con, khắc vợ, nhưng Khảm với chủ Chấn tương sinh và hồ biến Thiên Y vô khí, giảm bớt tai hại.

- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc), thổ đối với cửa Đoài (Chánh Tây) tương sinh và là bếp Diên Niên đắc vị rất tốt, nhưng Cấn đối với chủ Chấn tương khắc và hồ biến ra Lục Sát, làm giảm bớt sự tốt của Diên Niên.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Bếp Chấn (Chánh Đông) mộc đối với cửa Đoài (Chánh Tây) tương khắc và là bếp Tuyệt Mạng. Nhà Tuyệt Mạng, lại bếp cũng Tuyệt Mạng, cái hại càng hại. Còn bếp Chấn (Chánh Đông) đối với chủ Chấn tỷ hòa Phục Vị, đẳng diện cũng khá tốt, nhưng cũng không đủ bù trừ Tuyệt Mạng.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): mộc đối với cửa Đoài (Chánh Tây) tương khắc và là bếp Lục Sát, khiến cho đàn bà chết sớm. Nhưng bếp Tốn (Đông Nam) với chủ Chấn tỷ hòa và hồ biến được Diên Niên vô khí, chỉ có lợi qua loa.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Bếp Ly (Chánh Kiền), hỏa khắc cửa Đoài (Chánh Tây), và phạm Ngũ Quý, đại hung. Tuy Ly với chủ Chấn tương sinh và hồ biến sinh khí hữu khí là tốt lắm nhưng không đủ sức bù trừ Ngũ Quý.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam), thổ đối với cửa Đoài (Chánh Tây), tương sinh và là bếp Thiên Y đẳng diện, rất tốt. Nhưng Khôn bị chủ Chấn khắc và hồ biến ra Họa Hại làm giảm sự tốt của Thiên Y.

Chuyên đề mạng Chấn

- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Bếp Đoài (Chánh Tây) kim đối với cửa Đoài (Chánh Tây) là bếp Phục Vị, thất vị, kể như không có lợi chi, còn Đoài khắc chủ Chấn hổ biến ra Tuyệt Mạng, hung hại chẳng ít.

Kết luận:

Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Chấn Tuyệt Mạng trạch là Đông Tây hỗn loạn. Ở hỗn trạch, không có bếp nào trọn tốt hay trọn xấu vì bếp nào cũng biến sinh 1 hung Du Niên và một cát Du Niên, lợi cho cửa thì hại cho chủ, hại cửa thì lợi chủ.

6- CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KIỀN (TÂY BẮC) NGŨ QUÝ

(Cửa cái tại Kiền (Tây Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Chấn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Quý nhập lời môn: thương trưởng tử.

Ý nghĩa:

Quý chỉ vào Kiền. Bởi Kiền khắc Chấn nên nói là Quý (khắc ngã vi Quan Quý). Lại vì từ Kiền biến tới Chấn sinh Ngũ Quý cho nên nói Kiền là quý. Lời môn là cửa sấm tức thị Chấn (Chấn vi lời). Thương trưởng tử là làm hại con trai lớn, vì Chấn bị khắc và Chấn thuộc trưởng nam. (Trưởng nam của gia chủ hay trưởng nam của con cháu gia chủ cũng bị ảnh hưởng).

- Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 2 lần tới chủ Chấn tất sinh Ngũ Quý cho nên nhà này gọi là Ngũ Quý trạch. Cửa Kiền (Tây Bắc) khắc chủ Cấn là bên ngoài khắc vào trong, tai họa đến cấp kỳ, nào là quan tụng, nào là khẩu thiệt, hỏa hoạn, trộm cướp, ma

Chuyên đề mạng Chấn

quý làm loạn, trai gái chưa thành hôn đã chết, tim bụng đau đớn, diên sản tiêu hoại, sinh kế thoái bại, lục súc chết trôi, cha con bất hòa, con cháu nhánh trưởng đành tuyệt hậu mà nhánh thứ cũng bất kham... Thật là một ngôi nhà đại hung.

Cửa Kiền (Tây Bắc) với chủ Cấn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Ba chỗ chính yếu Kiền Chấn Kiền là ba cung thuần dương (thiếu âm) và hai kim khắc một mộc, điểm tuyệt dứt rõ ràng. Đối với cửa Kiền (Tây Bắc) thì bếp Kiền (Tây Bắc) là bếp Phục Vị thất vị lợi chẳng có ích chi cả, còn đối với chủ Cấn thì bếp Kiền (Tây Bắc) là Ngũ Quỷ rất tai hại. Kể chung ba cung hỗ biến nhau gặp 1 Phục Vị thất vị và 2 Ngũ Quỷ ắt là cái nhà đại hung vậy. Kết luận: Bếp Kiền (Tây Bắc) rất bất lợi cho nhà.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Bếp Khảm (Chánh Bắc), đối với cửa Kiền (Tây Bắc) tương sanh nhưng tác Lục Sát, như vậy cái sanh đó là sanh ra tai hại. Còn đối với chủ Chấn thì bếp Khảm (Chánh Bắc) cũng tương sanh mà tác Thiên Y, vậy sự sanh đó là sanh ra phước đức. Một sanh ra tai hại, một sanh ra phước đức, cái bếp này nửa tốt nửa xấu, sơ niên làm ăn khá khá, nhưng hậu vận khuyết nhân đinh, số người càng thưa thớt.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến tới bếp Cấn (Đông Bắc) được Thiên Y cho nên gọi bếp Cấn (Tây Bắc) là bếp Thiên Y. Thiên Y lâm Cấn đặng diện nên tài lộc thịnh phát tới đa, song vì Kiền phối Cấn thuần dương chẳng phát nhân đinh. Còn bếp Cấn (Đông Bắc) đối với chủ Chấn tương khắc và hỗ biến ra Lục Sát

Chuyên đề mạng Chấn

khiến cho tiểu nhi bệnh hoạn liên miên. (Cần thuộc tiểu nhi).

- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Bếp Chấn (Chánh Đông) đối với cửa Kiền (Tây Bắc) tương khắc và là bếp Ngũ Quý. Nhà Ngũ Quý lại dùng bếp Ngũ Quý nữa, tà khí đầy đầy, tai hoạn tứ tung, trông gì phát đạt. Ba cung Kiền Chấn Chấn thuần dương lấy đầu sanh hóa.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Bếp Tốn (Đông Nam) đối với cửa Kiền (Tây Bắc) tương khắc và là bếp Họa Hại. Bếp Tốn (Đông Nam) thuộc âm ứng về phụ nữ, trong ngũ tạng nó là lá gan. Nay Tốn thọ thương (bị Kiền khắc) cho nên phụ nữ chưa già mà chết, gan mật suy vì làm cho gân cốt đau nhức, phụ nữ chẳng sa thai cũng vì sanh đẻ khó mà vong mạng. Dù bếp Tốn (Đông Nam) với chủ Chấn hỗ biến được Diên Niên tốt cũng không đủ chống đỡ, vì Chấn Tốn đều bị Kiền khắc. Vả lại hỗ biến không có sức mạnh bằng chính biến.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Cửa Kiền (Tây Bắc) thì bếp Ly (Chánh Nam) là bếp Tuyệt Mạng. Nhà Ngũ Quý chứa bếp Tuyệt Mạng thật là nguy hại: làm ăn suy vi, mưu toan thất bại, cả nam lẫn nữ đều chẳng sống lâu. Duy bếp Ly (Chánh Nam) với chủ Chấn hỗ biến được Sinh Khí hữu khí, khá hơn bếp Tốn (Đông Nam).
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) với cửa Kiền (Tây Bắc) tương sanh có đủ âm dương và là bếp Diên Niên đắc vị, nhưng đối với chủ Chấn tương khắc và hỗ biến ra Họa Hại. Như vậy bếp này tốt nhiều

Chuyên đề mang Chấn

hơn xấu vì Diên Niên đắc vị chính biến có thể lấn áp Họa Hai hồ biến.

- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Bếp Đoài (Chánh Tây) với cửa Kiền (Tây Bắc) tỵ hòa và là bếp Sinh Khí ất tốt, nhưng bếp Đoài (Chánh Tây) với chủ Chấn tương khắc và hồ biến Tuyệt Mạng ất hung. Lấy đại khái mà luận, một sinh khí lành và một Tuyệt Mạng dữ là họa phước phân đôi (bằng nhau). Lấy chính biến và hồ biến để luận thì Sinh Khí mạnh hơn Tuyệt Mạng. Nhưng xét cho kỹ Sinh Khí tuy Chánh biến mà thất vị và Tuyệt Mạng kim năng khắc Sinh Khí mộc, chờ mộc suy đầu khắc được kim. Vậy bếp Đoài (Chánh Tây) hại nhiều hơn lợi.

Kết luận:

Tám hướng bếp trên đây, bếp nào cũng thuộc về chủ nhà mạng Chấn, là cửa Kiền với chủ Chấn. Như vậy thì dầu cho dùng hướng bếp nào cũng không thoát khỏi hẳn những điều đã ứng. Nhưng lẽ tất nhiên, gặp bếp xấu thì nhà thêm xấu, gặp bếp tốt cũng được sự tốt và bớt điều hung.

7- CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KHẨM (CHÁNH BẮC) THIÊN Y.

(Cửa cái tại Khảm (Chánh Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Chấn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thúi lời phát phước, cứu tuyệt tự.

Ý nghĩa:

Chuyên đề mạng Chấn

Nước sấm phát phúc, lâu không con nối dòng. Thủy là nước chỉ vào Khảm. Lôi là sấm chỉ vào Chấn. Nhà có cửa Khảm (Chánh Bắc) với chủ Chấn thì phát phúc vì Khảm với Chấn chính biến được Thiên Y. Nhưng ở lâu không con thừa tự là bởi Khảm Chấn thuần dương.

- Từ cửa Khảm (Chánh Bắc) biến 6 lần tới chủ Chấn được Thiên Y cho nên gọi là Thiên Y trạch, là nhà cứu bản độ nhứt (giải trừ sự nghèo nàn rất hay). Sơ niên (những năm đầu) số người thêm rất đông, công danh hiển đạt, khoa giáp đầu liền liền, toàn gia vui tốt, và chứa đức, giúp người lợi vật. Nhưng có thể giàu vừa vừa chứ không giàu lớn, vì Thiên Y thuộc thổ gặp Khảm Chấn vô khí (tương khắc). Lại vì Khảm Chấn thuần dương không có âm cho nên ở lâu năm quá sẽ cô độc, góa bụa, tuyệt tự, phụ nữ chường quán nhà cửa.

Cửa Khảm (Chánh Bắc) với chủ Chấn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Bếp Kiền (Tây Bắc) kim đới với cửa Khảm (Chánh Bắc) là bếp Lục Sát phạm âm cuồng, đới với chủ Chấn phạm Ngũ Quỷ đại hung, mọi sự bất lợi. Khảm Chấn Kiền là ba dương đồng cư, ở lâu sẽ tuyệt tự.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Bếp Khảm (Chánh Bắc) với cửa Khảm (Chánh Bắc), tý hòa Phục Vị đắc vị, với chủ Chấn tương sanh hỗ biến Thiên Y là phúc thần, sơ niên đại cát phú quý, phúc lộc kim toàn. Nhưng về sau lâu góa bụa, tuyệt tự, vì Khảm Chấn Khảm toàn là dương không có âm, chẳng sinh hóa được.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc) thổ

Chuyển để mạng Chấn

đối với cửa Khảm (Chánh Bắc) chủ Chấn đều tương khắc. biến sinh Ngũ Quý và Lục Sát là hướng bếp bất lợi trong mỗi sự việc, rất hại.

- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Bếp Chấn (Chánh Đông) dương mộc đối với cửa Khảm (Chánh Bắc) chủ Chấn đều tương sinh cùng tỷ hòa, biến sinh Phục Vị đắc vị và Thiên Y là phúc thần,... Nhờ vậy sơ niên đại cát, đại lợi (tốt lớn, lợi lớn), nhưng về lâu sau chẳng mấy hay. Đó là bởi Khảm Chấn Cấn thuần dương không có âm.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Bếp Tốn (Đông Nam) âm mộc đối với cửa Khảm (Chánh Bắc) âm dương tương sinh và là bếp Sinh Khí đẳng diện, đối với chủ Chấn âm dương tỷ hòa và hồ biến được Diên Niên hiệp với Thiên Y trạch thành nhà ba tốt, phúc, lộc, thọ trọn đủ (Thiên Y là phúc thần, Sinh Khí là lộc thần, Diên Niên là thọ thần). Đây là một hướng bếp tốt bậc nhất.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): âm hỏa đối với cửa Khảm (Chánh Bắc) chính biến Diên Niên đối với chủ Chấn hồ biến Sinh Khí, hợp với Thiên Y trạch thành nhà ba tốt, nhân định càng đông và phú quý song toàn.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Khôn thổ đối với cửa Khảm (Chánh Bắc) là Tuyệt Mạng, đối với chủ Chấn là Họa Hại lại toàn là tương khắc. Bếp này rất bất lợi.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Bếp Đoài (Chánh Tây) kim đối với cửa Khảm (Chánh Bắc) là bếp Họa Hại, đối với chủ Chấn hình khắc và hồ biến Tuyệt Mạng khiến cho nam nữ đều bất lợi, là hung tảo.

Kết luận:

Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Chấn là Thiên Y trạch và là Đông tứ Trạch. Phạm là Đông tứ Trạch thì 4 bếp Khảm Ly Chấn Tốn đều có lợi, còn 4 bếp Kiền Khôn Cấn Đoài đều bất lợi.

8- CHỦ NHÀ MẠNG CHẤN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG CẤN (ĐÔNG BẮC) LỤC SÁT

(Cửa cái tại Cấn (Đông Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Chấn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Sơn lỗi tương kiền: tiểu nhi ương.

Ý nghĩa:

Sơn là núi chỉ vào Cấn (Cấn vi sơn). Lỗi là sấm chỉ vào Chấn (Chấn vi lỗi). Tương kiền là gặp nhau. Tiểu nhi ương là trẻ con tai ương. Cửa Cấn gặp chủ Chấn là ngôi nhà sanh họa ương cho trẻ con. Vì Cấn thuộc thiếu nam bị Chấn khắc nên nói trẻ con bị họa ương.

- Từ cửa Cấn (Đông Bắc) biến 4 lần tới chủ Chấn tất sinh Lục Sát cho nên gọi nhà kiểu nhà này là Lục Sát trạch. Chủ Chấn khắc cửa Cấn (Đông Bắc) là trong khắc ra ngoài, lại cửa Cấn (Đông Bắc) khắc Lục Sát thúy là ngoài khắc vào trong. Trong ngoài đều có giao chiến khiến cho gia đạo chẳng yên lành, tiền tài hao tán, bệnh huỳnh thũng và tỳ vị mang tật. Sơ niên cùng khổ nhưng cũng có nhân đinh, còn về sau khắc hại vợ và tuyệt tự.

Cửa Cấn (Đông Bắc) và chủ Chấn phối 8 chỗ đặt bếp:

1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Cửa Cấn (Đông Bắc) thì bếp

Chuyên đề mạng Chấn

Kiên (Tây Bắc) là bếp Thiên Y đắc vị, nhưng bị thuận dương bớt tốt. Còn bếp Kiên (Tây Bắc) khắc chủ Chấn và hồ biến ra Ngũ Quý đại hung là Du Niên chẳng hóa liên hệ tới bếp. Vậy bếp này hung nhiều mà cát ít.

- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Cửa Cấn (Đông Bắc) thì bếp Khảm (Chánh Bắc) thọ khắc và phạm Ngũ Quý rất hung tợn. Bếp Kiên (Tây Bắc) trên hồ biến ra Ngũ Quý còn phải sợ, huống chi bếp Khảm (Chánh Bắc) nay chính biến ra Ngũ Quý tất phải đáng sợ hơn.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc) đối với cửa Cấn (Đông Bắc) là bếp Phục Vị thất vị, đối với chủ Chấn hồ biến ra Lục Sát, chỉ tốt của Phục Vị thất vị rất ít, cái hại của Lục Sát rất nhiều vậy. Bếp này hung nhiều hơn cát.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Bếp Chấn (Chánh Đông) khắc cửa Cấn (Đông Bắc) và là bếp Lục Sát. Nhà Lục Sát lại bếp cũng Lục Sát khiến cho tan tài và mọi sự đều bất lợi. Bếp Chấn (Chánh Đông) đối với chủ Chấn được Phục Vị không đủ chống với Lục Sát. (Bếp kỵ nhất là Ngũ Quý, thứ nhì là Lục Sát, thứ ba là Tuyệt Mạng, thứ tư là Họa Hại).
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Bếp Tốn (Đông Nam) khắc cửa Cấn (Đông Nam) và là bếp Tuyệt Mạng sanh ra các việc góa bụa, tuyệt tự, bệnh huỳnh thũng, tật tỳ vị, các chứng phong. Bếp Tốn (Đông Nam) đối với chủ Chấn hồ biến được Diên Niên, nhưng Diên Niên kim khắc cả Chấn Tốn mộc (tinh khắc cung) thì sự lợi chẳng còn bao

Chuyên đề mạng Chấn

hiều, không vương nổi với Tuyệt Mạng là chỗ chính biến.

- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Bếp Ly (Chánh Nam) đối với cửa Cấn (Đông Bắc) bị tiết khí và là bếp Hỏa Hai, nhưng đối với chủ Tôn tương sanh và hồ biến được Sinh Khí. Bếp này cát hung tương đương.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) đối với cửa Cấn (Đông Bắc) tỵ hòa và là bếp Sinh Khí thất vị, nhưng đối với chủ Chấn tương khắc và hồ biến ra Hỏa Hại. So sánh lại: Sinh Khí là chỗ tốt nhưng thất vị bất tốt, Hỏa Hại là chỗ hại nhưng hồ biến thì hại nhẹ. Vậy bếp này hung cát tương đương.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Cửa Cấn (Đông Bắc) sanh bếp Đoài (Chánh Tây) là bếp Thiên Y đắc vị, phát tài ngân. Nhưng bếp Đoài (Chánh Tây) khắc chủ Chấn hồ biến Tuyệt Mạng thì khắc hại nam nhân và đàn bà góa cầm quyền gia đình.

Kết luận:

Tám hướng bếp trên đây đều thuộc về chủ nhà mạng Chấn là Lục Sát trạch. Bếp nào cũng biến sinh một cát Du Niên và một hung Du Niên, không có bếp nào trọn tốt hay xấu.

HÔN PHỐI SỞ THUỘC

NGƯỜI CHỒNG MẠNG CHẤN

Những tuổi Khâm, Ly, Chấn, Tốn gọi là Đông tứ, mang nên cưới gả nhau. Còn những tuổi Khôn, Cấn, Kiền, Đoài gọi Tây tứ mạng nên cưới gả nhau mới được nhiều con nhiều phước.

Nếu tuổi Đông mạng cưới gả với tuổi Tây mạng phải gian khổ về con cái, không hòa thuận, không phát phước. Như chồng Khâm thuộc Đông mạng, cưới vợ Tốn cũng thuộc Đông mạng được Sanh khí. Có 5 đứa con hóa thuận, giúp chồng lập nên gia thất. Nếu chồng Khâm là Đông mạng cưới vợ Cấn thuộc Tây mạng, tất phạm Ngũ Quý, tuy con được 2 đứa mà gia đạo không hòa, cửa tiền bị trộm.

Mạng chồng hiệp mạng vợ được Sanh khí thuộc Tham lang, có 5 đứa con. Hiệp với Diên Niên thuộc Vô khúc được 4 đứa con. Phạm Ngũ Quý, thuộc được Bồ chúc được nhờ 1 gái thôi. Hiệp Du hồn, thuộc Vãn khúc sau nhờ 1 đứa. Phạm Tuyệt Mạng, thuộc Phá Quân chịu cảnh cô đơn. Phạm Tuyệt Mạng, thuộc Lộc tồn không con được thọ.

Hãy tường tận sự sanh khắc hưu tù hiệp tuổi chồng vợ. Đường đi vào nhà, bếp núc đặt để đúng phương hướng, cũng quyết được sự có con hay không nhiều hay ít, nuôi được hay không nữa. Ở chung một nhà ông bà, cha mẹ, chủ bác, anh em, chị em và vợ chồng, nên phân phòng hạp trạch. Em Đông mạng ở phía

Chuyên đề mạng Chấn

Đông, Anh Tây mạng ở phía Tây mới được phước thọ, bằng không hạp thì khó thoát bản yếu. Còn vợ chồng. Ví dụ: Chồng Tây mạng ở nhà Tây tứ Trạch nhưng vợ Đông mạng phải làm sao? Nếu Trú Bắc phòng: (phòng ở hướng Bắc). Chồng ở gian phía Tây, vợ ở gian giữa thuộc Khảm Đông Trạch hạp với vợ.

Bằng Trú Nam phòng: Chồng ở gian nhà phía Tây vợ ở trung gian hoặc gian nhà phía Đông thuộc Tốn đều Đông tứ Trạch hạp mạng vợ. Hoặc ở phòng phía Đông: Chồng ở gian nhà phía Bắc thuộc Cấn hạp mạng chồng, vợ ở trung gian thuộc Chấn hoặc Nam gian thuộc Tốn đều hạp. Hay ở phòng phía Tây: thì chồng ở trung gian, vợ ở gian nhà phía Nam thuộc Ly, hoặc ở gian nhà phía Bắc thuộc Khảm. Đại để vợ chồng cung mạng chẳng đồng, cứ giữ mạng chồng làm chủ. Các cung khác cũng vậy.

BÁT SAN TUYỆT MẠNG

Kiên với Ly

Đoài với Chấn

Khôn với Khảm

Cấn với Tốn

ÂM KHẮC DƯƠNG

BÁT SAN NGŨ QUÝ

Kiên với Chấn

Tốn với Khôn

Khảm với Cấn

Đoài với Ly

DƯƠNG KHẮC ÂM

ÂM KHẮC ÂM

Chuyên để mạng Chấn

LỤC THÂN TƯỢNG HÌNH

Kiên với Khảm

Cấn với Chấn

Tôn với Đoài

Khôn với Ly

BÁT SAN HỌA HẠI

Kiên với Tôn

Khảm với Đoài

Cấn với Ly

Khôn với Chấn

Sau đây là bảng lập thành, có lời bình giải rõ ràng, ai cũng có thể xem qua là hiểu, muốn biết người đó tuổi gì, thuộc cung gì trong 8 cung xem bài cung phi và bảng **BÁT TRẠCH TAM NGUYÊN** để biết rõ cung tuổi của chồng và vợ, qua cột 3 là cung phi của chồng, cột 4 là cung phi của vợ.

Ngoài ra, ta có thể xem 1 trong 8 hình bát quái tùy theo bốn mạng của mình để đoán số vợ chồng bằng cách nhìn chính giữa của bát quái đồ là cung phi của người chồng, chung chung quanh là 8 cung của vợ.

Dưới đây là bảng hôn phối cát, hung của vợ chồng số thuộc mạng Chấn.

Chuyên đề mạng Chấn

CHẤN

CÁT	HUNG
Chấn - Chấn : Cát	Chấn - Kiền : Hung
Chấn - Khảm : *	Chấn - Cấn : *
Chấn - Tốn : *	Chấn - Khôn : *
Chấn - Ly : *	Chấn - Đoài : *

1. TRAI MẠNG CHẤN LẤY GÁI CHẤN "Phục Vĩ"
(Chấn vi lôi)

Rừng cao gió mạnh vụt ào ào

Hoa trái rơi bởi cành lá hao

Lập nghiệp gian nan mới đạt chí

Phước lành cũng được hưởng về sau

2. TRAI MẠNG CHẤN LẤY GÁI TỐN "Diên Niên"
(Lôi phong hễng)

Mộc họa tương sinh nhưng nghịch thường

Cung chồng kém vợ phải chịu nhường

Dầu cho cách trở rồi sau hợp

Con cháu Diên Niên phước thọ trường

3. TRAI MẠNG CHẤN LẤY GÁI LY "Sinh Khí"
(Lôi hỏa phong)

Chấn Ly sinh khí được giao hòa

Phát đạt giàu sang rạng thất gia

Chuyên đề mang Chấn

Con cháu lâu bền danh vọng lớn

Tương lai thêm nức tiếng tấm nhà

4. TRAI MẠNG CHẤN LẤY GÁI KHÔN "Họa Hại" (Lôi địa dư)

Chấn Khôn Họa Hại khó hòa duyên

Mộc thổ tương hiềm lắm lụy phiền

Nhà cửa ruộng vườn có cũng hết

Cháu con đau ốm khổ liên miên

5. TRAI MẠNG CHẤN LẤY GÁI ĐOÀI "Tuyệt Mạng" (Lôi Trạch qui muôi)

Chấn Đoài Tuyệt Mạng khó gần nhau

Mộc khắc kim thương biết nói sao!

Nếu đã lỡ mà đeo khổ lụy

Cháu con họa hoạn lại xa nhau

6. TRAI MẠNG CHẤN LẤY GÁI KIỀN "Ngũ Quý" (Lôi thiên đại tráng)

Chấn Kiền Lục Sát họa đeo dai

Chồng vợ bất hòa lắm đặng cay

Nếu được giàu sang thì cách trở

Gần nhau lệ đổ suốt canh dài

7. TRAI MẠNG CHẤN LẤY GÁI KHẨM "Thiên Y"

Chấn Khảm Thiên Y ầy lộc trời

Chuyên đề mạng Chấn

Cây nhờ nước tưới lá hoa tươi

Cháu con thông tuệ, ẵm khoa bảng

Lộc hướng vinh sang phước đế đời

8. TRAI MẠNG CHẤN LẤY GÁI CẤN "Lục Sát"
(Lỗi sơn tiểu quá)

Chấn Cấn kết duyên Ngũ Quý sanh

Cửa nhà sự nghiệp lập sao thành

Cháu con bệnh tật tài hao tán

Chồng vợ khổ sầu lệ trắng canh

CON NỔI DÒNG CỦA CHỦ NHÀ THUỘC MẠNG CHẤN

Bài con nổi dòng ở đây có ý nghĩa như cung tử tức trong khoa tử vi, chuyên lý giải về giòong giới như số lượng con cái, trai nhiều hay gái nhiều, có con hay không con, nói khác đi là sự phong túc hay hiếm muộn.

Hạnh phúc giữa cha mẹ và con cái, và hạnh phúc chính bản thân của con cái chủ nhà.

Tương lai tổng quát của các con nói chung, (số phận, chết, cách chết, dễ nuôi, khó nuôi, tình trạng con đầu lòng). Muốn hiểu rõ các sự kiện trên đây khoa tử vi cần phải hội đủ: Năm, tháng, ngày, giờ sinh, rất phiền phức vì có nhiều người trên đời này chưa chắc hội đủ các chỉ tiêu đó.

Đối với thuật Phong Thủy, chỉ cần biết mạng chủ nhà (cung phi) là có đủ cơ sở để xét đoán các tình huống như:

Hôn nhân của con cái, nếp sống, tật bệnh, tai họa. Dưới đây là bài nói về con nổi dòng của chủ nhà thuộc mạng:

Chấn mạng được Táo khẩu lai lộ ở phương Nam, là sinh khí, sẽ có 5 con trai. Tồn Diên Niên có 4 con trai, được Khảm là Thiên Y sẽ có 3 trai, Phục Vị chỉ có con gái. Phạm vào Đoài là Tuyệt Mạng trước thương con gái út, vì chứng ma đầu, ho lao đến Tuyệt Mạng. Phạm vào Cấn là phương Lục Sát thương con

trai út, sau có 2 con trai.

CHẤN MẠNG

(Phục: Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Kiền, Khảm, Cấn, Chấn: Diên, Sinh, Họa, Tuyệt, Ngũ, Thiên, Lục).

HÔN NHÂN:

Chấn mạng nên phối vợ Ly mạng tất thị Tốn, Khảm là thứ cát, cầu hôn nên an sàng ở phương Tốn sẽ dễ thành, nếu phối với vợ Đoài mạng, hoặc Táo khẩu hướng Tây vợ sẽ tự tử.

TỬ TỨC:

Chấn mạng Táo khẩu hướng Ly, tất nhiên có 5 trai, nếu tuổi già rồi, không hay sanh con, mà được hướng cũng 5 người cố công (thợ khéo) giúp, hoặc 5 nô bộc, nếu làm thầy tu cũng có 5 người đồ đệ và có thể đại phát tài, Lại có thể gọi con người ta về nhà. VD : Con đi lâu ngày không thấy về. Vậy : lấy tòa nhà bếp và nhà xí, áp Chấn vào phương Tuyệt Mạng của người đó, lại đem Táo khẩu, hướng vào phương sinh khí để gọi con về nhà, nấu ăn được hơn 10 ngày, người con đó ở ngoài đêm nằm mơ thấy Thần táo mặc áo giàng bào, đội mũ huyền quan (tức là áo đỏ, mũ đem đến báo: cha mày gọi cấp tốc, không chịu về sớm! Đưa con liền trở về. Thứ làm phép này, thấy người kêu con về nhà, tuy là mơ mộng, mờ ám cũng nghiệm vậy.

Chủ nhà, kêu gọi người gia bộc trốn đi, cũng lấy Táo khẩu hướng triều vào phương sinh khí của chủ nhân, lại đem tòa bếp để Chấn áp phương Ngũ Quý của chủ nhân, ít lâu thấy bỏ trốn đi trở lại. Ý là lấy phương Ngũ Quý thì người gia bộc không trốn được, mà sinh khí là hướng Táo khẩu nó sẽ trở lại.

Chuyên đề mạng Chấn

Người Chấn mạng, già nửa đời không con, xin một đứa trẻ mạng Tốn 1 tuổi làm con nuôi, đặt tên là Ấp tứ, đứa con này đến 3 tuổi, lúc đó có người Thầy tứ số ở gần báo: ừng lấy tên là Ấp tứ, nên đổi tên là Khánh thọ tốt hơn. Sau ông lão chủ sống trăm tuổi vẫn mạnh khỏe, đó là Chấn mạng được Tốn là Diên Niên, vừa có con và được thọ. Trẻ nhỏ bị bệnh Sang đầu, khóc đêm là tại sao? đó là làm ở Táo khẩu, phân phòng, có thể đem đứa con đó, nằm vào phương Tốn, cái giường nằm, của cha mẹ nó, độ khoảng vài thước nền, để trừ việc hung của phân phòng thì phân lại được là cát, lại làm thêm bếp nhỏ lấy Táo khẩu hướng Tốn, lại cho bú sữa mẹ, để trừ hung, ở bếp cũ, sau đứa trẻ quá nhiên khỏi, ngủ yên. Người đời làm cha mẹ nuôi con, không biết phép này, bị làm để con sinh bệnh thổ tả, kinh, cam, mọi chứng. Nếu đứa trẻ là Tây mạng nên đổi giường nó, đến phía Tây giường của cha mẹ nó nằm, sẽ lành mạnh, Đông là hung ác. Táo khẩu cũng nên hướng Tây, mà phải cho ăn sữa mẹ mới tốt.

Chấn mạng Táo khẩu, phạm vào hướng Đoài, thì ho đờm thổ huyết, thương phê, trướng phúc, mọi chứng. Phạm vào Cấn bị dương mai, lậu độc, tì, vị, lỵ, ngược, với khẩu, ác tìm, phạm vào Kiền thương phế, thổ huyết, ho đờm, phạm vào phương Khôn bị bệnh ngược lỵ, tả huyết, bệnh lậu.

TAI HỌA:

Chấn mạng phạm vào phương Đoài, con ắt bất hiếu, trước hai con gái út, sau hai con gái lớn, con gái trưởng, tiểu tử tuyệt tự: lại sợ tự tử. Nếu con gái phạm sẽ bị bệnh lao tể, không nghĩ đến sự ăn uống. Như lai lộ cát có thể cứu được, phạm vào phương Cấn, có người lùn thấp, da vàng, ở phương liên can đến mạng người, bị quan sự lỗi thời. Hại ứng con trai thứ 3 và người ở nhỏ.

Chuyên để mạng Chấn

Phạm vào phương Kiền ất hại cha già, nói đến con trưởng, người lão bộc bó trốn, hoặc tự tử, sau bị mất cướp, hóa tai. Phạm vào phương Khôn, có người da vàng lùn thấp ở Tây Nam, xúi dục kiện cáo, phá cửa, vợ bất hòa, mẹ già không được an tâm, gồm cả mẹ vợ, con gái lớn, người vú già đều bị tổn thương.

MỤC LỤC

- Biểu Tượng Vạn Vật Sở Thuộc Cung Chấn	07
- Vạn Mạng Trọn Đời Của Chủ Nhà Mạng Chấn.	13
- Bát Quái Đồ Của Chủ Nhà Mạng Chấn.	18
- Phương Hướng Xây Nhà Của Người Mạng Chấn.	19
- Chọn Phương Hướng Trổ Cửa Của Chủ Nhà Mạng Chấn .	22
- Cửa Cái và chỗ Đặt Bếp Lò Của Chủ Nhà Mạng Chấn.	25
- Hôn Phối Sở Thuộc Của Chủ Nhà Mạng Chấn.	48
- Con Nối Dòng Của Chủ Nhà Mạng Chấn.	54

